

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5- 2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn

Ông Nguyễn Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy - Thư ký TAND huyện Thiệu Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6214/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn 6, xã TG, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T2, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn 6, xã TG, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 11/1996. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh T2 thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, nhiều lần chị phải nhập viện. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã vì con mà chịu đựng nhưng anh T2 vẫn không sửa đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nay chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T2.

- Về con chung: Chị và anh Lê Văn T2 có 03 con chung là Lê Thị P, sinh năm 1997, Lê Thị N sinh năm 1999 và Lê Thị Thu H sinh ngày 03/5/2005. Hiện nay cả 03 con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Lê Văn T2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu 02 năm, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Giang vào năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T2 tại thôn Trung Thành (nay là thôn 6) xã TG, huyện Thiệu Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra va chạm không đáng kể, có lần anh T2 có tát vào mặt chị T1 mấy cái. Tuy anh T2 có đánh chị T1 nhưng sau đó vợ chồng vẫn bình thường chung sống đến thời điểm hiện nay. Cho đến thời điểm hiện nay thì anh T2 vẫn còn tình cảm với chị T1 nên không muốn ly hôn. Nếu chị T1 cương quyết ly hôn thì anh không nhất trí, anh không bỏ vợ.

Về con chung: Anh T2 cũng thừa nhận anh và chị T1 có 03 con chung là Lê Thị P, sinh năm 1997, Lê Thị N sinh năm 1999 và Lê Thị Thu H sinh ngày 03/5/2005. Hiện nay cả 03 con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh T2 đề nghị vợ chồng đoàn tụ để tập trung giải quyết công nợ. Nếu chị T1 cương quyết ly hôn với anh thì công nợ chị T1 phải chịu trách nhiệm còn anh không biết, không liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án anh T2 không yêu cầu giải quyết về công nợ.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Anh T2 và chị T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã TG vào năm 1996. Sau khi kết hôn anh T2, chị T1 sinh sống tại thôn 6, xã TG. Quá trình chung sống anh, chị bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra va chạm nhỏ. Nay chị T1 xin ly hôn anh T2, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm bắt được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T2 vẫn có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị T1 xin ly hôn anh Lê Văn T2.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Thị P, sinh năm 1997, Lê Thị N sinh năm 1999 và Lê Thị Thu H sinh ngày 03/5/2005 là con chung của chị T1 và anh T2. Hiện nay các cháu đã thành niên và có gia đình riêng, ổn định nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị T1 và anh T2 không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 và bị đơn anh Lê Văn T2 là Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 6, xã TG, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh T2 thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, nhiều lần chị T1 phải nhập viện. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã vì con mà chịu đựng nhưng anh T2 vẫn không sửa đổi. Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T1 tha thiết xin được ly hôn, anh T2 xác định vẫn còn tình cảm với chị T1 và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải nhiều lần, nhưng chị T1 vẫn cương quyết xin ly hôn vì xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Thanh thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có kéo dài cũng không thể mang lại hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T1 được ly hôn anh T2.

* *Về con*: Chị T1 và anh T2 có 03 con chung là Lê Thị P, sinh năm 1997, Lê Thị N sinh năm 1999 và Lê Thị Thu H sinh ngày 03/5/2005 là con chung của chị T1 và anh T2. Hiện nay các cháu đã thành niên và có gia đình riêng, ổn định, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

* *Về tài sản và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Lê Văn T2.
2. Về con chung: Công nhận cháu Lê Thị P, sinh năm 1997, Lê Thị N sinh năm 1999 và Lê Thị Thu H sinh ngày 03/5/2005 là con chung của chị T1 và anh T2. Hiện nay các cháu đã thành niên và có gia đình riêng, ổn định nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0006156 ngày 13/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị T1 đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã Thiệu Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Liên